TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/KDTM-ST
Ngày 26 – 9 – 2023
V/v "**Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa**"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kim Đính

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Cúc, bà Nguyễn Thị Minh Châu

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Đức Hoàng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân *huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Tất Bắc là Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai; xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 17/2023/TLST-KDTM ngày 15 tháng 6 năm 2023, về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST-KDTM ngày 07 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2023/QĐST-KDTM ngày 29 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

***** *Nguyên đơn*: Công ty TNHH Sơn Hua D; địa chỉ số 70/44, đường Bùi Văn Chinh, khu phố 8, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: LIU, Y (Tổng Giám đốc);

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Ngọc A, sinh năm 1980;

Địa chỉ ..., phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

***** *Bị đơn*: Công ty TNHH Tuấn L (nay là Công ty TNHH Sản Xuất Nội Thất M);

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Phúc T - Chức vụ Giám đốc.

Địa chỉ: ... ấp Bình Chánh, xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng đại diện của nguyên đơn trình bày:*

Nguyên đơn và bị đơn có lập văn bản hợp đồng số 2017/HBTL ngày 02/01/2017, theo nội dung hợp đồng thì bên nguyên đơn Công ty TNHH Sơn Hua D bán hàng hóa với bị đơn Công ty TNHH Tuấn L (nay là Công ty TNHH Sản Xuất Nội Thất M), các hàng hoá (sơn lót, sơn bóng, sơn màu, dung môi, bột trét). Số lượng hàng, đơn giá được các bên thống nhất trong từng thời điểm đặt hàng, từ tháng 01/2017 đến tháng 12/2017 bị đơn nhiều lần mua hàng, nguyên đơn giao đầy

đủ số lượng hàng đến bị đơn, sau khi giao hàng bị đơn còn nợ tiền hàng hóa của năm 2017 là 7.631.245.550 đồng.

Tại hợp đồng số 2018/HBTL ngày 02/01/2018 bên nguyên đơn và bên bị đơn ký hợp đồng thỏa thuận bên nguyên đơn bán hàng hoá (sơn lót, sơn bóng, sơn màu, dung môi, bột trét). Số lượng hàng, đơn giá được các bên thống nhất trong từng thời điểm đặt hàng, từ tháng 01/2018 đến tháng 12/2018, bị đơn nhiều lần đặt hàng theo nội dung hợp đồng và nguyên đơn giao đầy đủ số lượng hàng đến bị đơn, bên bị đơn còn nợ tiền mua hàng năm 2018 là 14.828.400.934 đồng.

Theo thoả thuận tại Điều 3 của các hợp đồng trên: "Việc thanh toán được thực hiện bằng chuyển khoản, trong vòng 30 ngày đến 45 ngày".

Nguyên đơn và bị đơn đã đối chiếu số tiền bị đơn còn nợ vào ngày 27/6/2019, có lập biên bản đối chiếu tiền nợ. Các bên đã xác nhận số tiền gốc bị đơn còn nợ nguyên đơn là 22.459.646.484 đồng nên nguyên đơn đồng ý giảm 30% nợ gốc (tương ứng 6.737.893.945 đồng) nếu bị đơn trả mỗi tháng từ 1.000.000.000 đồng đến 1.500.000.000đồng từ ngày 15/7/2019. Trong trường hợp bị đơn không trả tiền theo thỏa thuận này thì phải chịu lãi 1%/tháng.

Sau ngày 15/7/2019 bị đơn có trả tiền được 2.550.000.000 đồng, đến ngày 28/6/2021 trả 150.000.000 đồng. Như vậy, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc 19.909.646.484 đồng.

Đến nay bị đơn không trả tiền theo yêu cầu của nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả tiền nợ gốc mua hàng hóa là 19.909.646.484 đồng và tính tiền lãi là 1% mỗi tháng, tính từ tháng 7/2019 đến ngày nộp đơn khởi kiện (19.909.646.484 x 1%/tháng x 44 tháng) bằng 8.760.244.453 đồng. Tổng cộng tiền nợ gốc và tiền lãi là 28.669.890.937 đồng.

** Đối với bị đơn:*

Bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng, triệu tập tham gia tố tụng nhưng bị đơn không đến Tòa án để tham gia tố tụng trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

****** *Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 85, 86 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

- Về giải quyết vụ án:

Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng các bên đã ký văn bản xác nhận nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả nợ số tiền gốc và lãi phát sinh là có căn cứ pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 26, 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40, 147, 269, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 360, 398, 430, 440 Bộ luật dân sự; Luật doanh nghiệp năm 2014; Điều 24, 34, 35, 50, 55 Luật thương mại; Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Sơn Hua D. Buộc bị đơn là Công ty TNHH Sản Xuất Nội Thất M phải

thanh toán số tiền 19.909.646.484 đồng và tiền lãi suất theo quy định pháp luật đối với nguyên đơn; bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

* *Về chứng cứ của vụ án*: Tòa án đã công khai toàn bộ chứng cứ có trong hồ vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và có văn bản thông báo về tài liệu, chứng cứ của vụ án đã tống đạt đến bị đơn được biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án:

[1] Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp trong vụ án, về người tham gia tố tụng và quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án:

Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa đối với bị đơn: Công ty TNHH Tuấn L (Công ty TNHH Sản Xuất Nội Thất M); địa chỉ Công ty thuộc địa bàn xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án được xác định là "Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Bên nguyên đơn gửi đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bên nguyên đơn tại phiên tòa sơ thẩm; Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến, xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

* Bên bị đơn không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự và chứng cứ đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa để giải quyết vụ án.

Theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: " Một bên thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh".

* Bên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền nợ gốc mua hàng hóa là 19.909.646.484 đồng, tiền lãi 1% mỗi tháng, tính từ tháng 7/2019 đến ngày khởi kiện vụ án (19.909.646.484 x 1%/tháng x 44 tháng) là 8.760.244.453 đồng. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi bị đơn phải trả nguyên đơn là 28.669.890.937 đồng.

Nguyên đơn và bị đơn đã xác lập các hợp đồng mua bán hàng hóa trong các năm 2017, năm 2018, hai bên thực hiện theo nội dung hợp đồng. Đến ngày 27/6/2019 nguyên đơn và bị đơn lập văn bản (Biên bản làm việc) bên bị đơn xác nhận còn nợ tiền mua hàng của nguyên đơn là 22.459.646.484 đồng, bị đơn đồng ý tính lãi 1%/tháng nếu không trả được tiền theo thỏa thuận. Nội dung Biên bản làm việc phù hợp với Bảng chi tiết công nợ phải thu ngày 17/4/2023 mà bị đơn đã thống nhất, Bảng chi tiết công nợ này có nêu nội dung của các hợp đồng mua bán hàng hóa trong các năm 2017, năm 2018 hai bên đã thực hiện - (bút lục số 87, 88).

Bên bị đơn đồng ý có trách nhiệm trả tiền đầy đủ vào ngày 30/6/2020 nhưng không trả đủ tiền mua hàng hóa của nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo

hợp đồng, đã xâm phạm quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện vụ án là phù hợp với Điều 186 và điểm g khoản 4 Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Hội đồng xét xử đánh giá chứng như trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; bị đơn phải có trách nhiệm trả tiền trong hợp đồng mua bán hàng hóa đối với nguyên đơn như sau: Số tiền nợ gốc 19.909.646.484 đồng, tiền lãi 1% mỗi tháng (19.909.646.484 x 1% x 44) bằng 8.760.244.453 đồng. Tổng cộng tiền nợ gốc và tiền lãi là 28.669.890.937 đồng (được làm tròn là 28.669.891.000 đồng) và tiền lãi chậm trả từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm.

[3] Về chi phí tố tụng:

Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giải quyết vụ án tranh chấp kinh doanh thương mại là 136.669.891 đồng (được làm tròn là 136.670.000 đồng).

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên nguyên đơn được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 357, Điều 401, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 8 Điều 3, khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 50, khoản 5 Điều 297, Điều 306, Điều 319 của Luật Thương mại năm 2005;

- Điều 11 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

1. **Tuyên xử**:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty TNHH Sơn Hua D đối với bị đơn là Công ty TNHH Tuấn L (nay là Công ty TNHH Sản Xuất Nội Thất M), về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Buộc Công ty TNHH Sản xuất Nội Thất M phải có trách nhiệm trả số tiền 28.669.891.000đ (hai mươi tám tỷ, sáu trăm sáu mươi chín triệu, tám trăm chín mươi mốt nghìn đồng) đối với Công ty TNHH Sơn Hua D.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Bản án được thi hành theo quy định tại các Điều 2, 6, 7, 9, 30 của Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

Công ty TNHH Sản Xuất Nội Thất M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 136.670.000đ (một trăm ba mươi sáu triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn đồng).

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại nguyên đơn số tiền

tạm ứng án phí đã nộp là 68.334.945 đồng theo biên lai thu số 0005315 ngày 15/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tống đạt Bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Võ Kim Đính